

Số: 1737/QĐ-UB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 1979

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH THỰC HIỆN THỐNG NHẤT GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA TRONG THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính các cấp ngày 27-10-1962 ;

- Căn cứ vào Nghị định số 24/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 2-2-1976 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền Nhà nước cấp tỉnh, thành trong lãnh vực quản lý kinh tế ;

- Căn cứ quyết định số 140/TTg ngày 25-4-1979 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư số 286/TT-LB của Liên Bộ Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Giao thông vận tải ngày 12-5-1979 về việc thống nhất giá cước vận tải trong cả nước ;

- Theo đề nghị của đồng chí Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá thành phố.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành thực hiện thống nhất mức cước vận tải hành khách trong phạm vi thành phố như sau :

- Xe buýt tính theo giá vé hiện nay (2 xu/1 hành khách/ cây số).

- Xe lam khách là 0đ07/một hành khách/cây số.

- Xe chở khách 4 bán dưới 18 ghế là 0đ05/một hành khách/cây số.

Giá vé trên từng tuyến được tính quy tròn chẵn giá tiền.

Tuyến xe nhất của các loại xe khách không quá 3 loại vé.

-Xe tắc xi là 0đ13/một hành khách/cây số và 0đ40 một cây số doanh nghiệp (loại 3 chỗ).

Điều 2.- Mức cước vận tải hàng hóa trong phạm vi thành phố như biểu cước kèm theo :

- Loại xe có trọng tải từ 1 tấn đến dưới 2,5 tấn giá cước tính theo *tấn/cây số* và 19 cự ly khác nhau.

- Loại xe vận tải dưới 1 tấn và xe lam tải, giá cước tính theo *chuyến/cây số* và 19 cự ly khác nhau.

Biểu mức cước vận tải hàng hóa này áp dụng chung cho tất cả các loại hàng hóa và các loại đường.

Điều 3: Thời gian thực hiện giá cước mới từ 1-11-1979, giao cho Ủy ban Vật giá thành phố và Sở Giao thông vận tải căn cứ vào mức cước cơ bản đã được duyệt để xây dựng biểu cước cụ thể cho từng luồng tuyến xe khách trong thành phố.

Điều 4.- Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
PHAN VĂN KHẢI

**BIỂU GIÁ CƯỚC CỦA LOẠI XE VẬN TẢI NHỎ
DƯỚI 2,5 TẤN VÀ XE LAM VẬN TẢI HÀNG HÓA CỦA THÀNH PHỐ**

Cự ly	Xe tải nhỏ từ 1 tấn dưới 2,5T (đồng/tấn/cây số)	Xe lam tải hàng hóa và xe tải dưới 1 tấn (đồng/chuyến/cây số)	Ghi chú
1 km	1,64	2,46	
2 km	0,98	1,46	
3 km	0,76	1,14	
4 km	0,64	0,96	
5 km	0,56	0,84	
6 km	0,53	0,79	
7 km	0,50	0,75	
8 km	0,48	0,71	
9 km	0,46	0,69	
10 km	0,45	0,68	
11 km	0,44	0,66	
12 km	0,43	0,64	
13 km	0,42	0,62	
14 km	0,41	0,61	
15 km	0,40	0,60	
16 – 20	0,38	0,56	
21 – 25	0,34	0,51	
26 – 30	0,33	0,49	
Trên 30	0,31	0,46	

